

Số: 17 /HD-SNN

Trà Vinh, ngày 18 tháng 01 năm 2019

**HƯỚNG DẪN**  
**Quy trình kỹ thuật Chăn nuôi heo thịt**

## **I. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC**

Heo là loài động vật ăn tạp, có khả năng thích nghi cao. Heo thành thực sinh dục vào lúc 7 - 8 tháng tuổi, trọng lượng phối giống từ 120 - 140 kg, chu kỳ động dục trung bình 21 ngày, thời gian mang thai trung bình 114 ngày. Heo có khả năng sản xuất cao, một con heo nái có thể sản xuất từ 8 đến 12 heo con/lứa.

## **II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG HEO TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Đặc điểm**

#### **1.1. Heo Yorkshire**

- Nguồn gốc: Xuất xứ từ Anh.

- Đặc điểm ngoại hình: Heo có sắc lông toàn thân màu trắng, tai đứng, thân hình phát triển cân đối, bốn chân khỏe vững chắc.

- Chỉ tiêu năng suất: Heo đực trưởng thành nặng 330 - 380 kg, heo cái trưởng thành nặng 220 - 280 kg. Tuổi bắt đầu phối giống lúc 08 tháng. Một năm đẻ 2,0 - 2,1 lứa. Số con đẻ ra/lứa từ 10 - 12 con. Tỷ lệ thịt xẻ 52 - 55%, có khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu Việt Nam.

#### **1.2. Heo Landrace**

- Nguồn gốc: Xuất xứ từ Đan Mạch.

- Đặc điểm ngoại hình: Heo có màu lông da trắng, tai rủ, đầu thon, mông nở, bốn chân tương đối vững chắc.

- Chỉ tiêu năng suất: Heo đực trưởng thành nặng 350 - 400 kg, heo cái trưởng thành nặng 220 - 300 kg. Tuổi bắt đầu phối giống từ 7 - 8 tháng. Một năm đẻ 2,0 - 2,2 lứa. Số con đẻ ra/lứa từ 11 - 12 con. Tỷ lệ thịt xẻ 54 - 56%, nuôi con khéo.

#### **1.3. Heo Duroc**

- Nguồn gốc: Xuất xứ từ Mỹ.

- Đặc điểm ngoại hình: Heo có màu hung đỏ hoặc nâu sẫm, có thân hình vững chắc, bốn chân to khỏe, ngực sâu, rộng, mông vai phát triển và cân đối, mõm thẳng, tai to ngắn cụp về phía trước.

- Chỉ tiêu năng suất: Heo đực trưởng thành nặng 300 - 370 kg, heo cái trưởng thành nặng 250 - 280 kg. Tuổi bắt đầu phối giống từ 7 - 8 tháng. Một năm đẻ 1,7 - 1,8. Số con đẻ ra/lứa từ 6 - 9 con. Tỷ lệ thịt xẻ 56 - 58%, giống heo này có khả năng tăng trọng tốt.

#### **1.4. Heo Pietrain**

- Nguồn gốc: Xuất xứ từ Vương quốc Bỉ.

- Đặc điểm ngoại hình: Màu lông da trắng đan xen từng đám đen trắng không đồng đều trên cơ thể, tai thẳng đứng, đầu to vừa phải, mõm thẳng, 4 chân thẳng, phần mông rất phát triển.

- Chỉ tiêu năng suất: Heo đực trưởng thành nặng 270 - 350 kg/con, heo cái trưởng thành nặng 220 - 250 kg/con. Tuổi bắt đầu phối giống từ 7 - 8 tháng. Một năm đẻ 1,7 - 1,8 lứa. Số con đẻ ra/lứa từ 6 - 8 con. Tỷ lệ nạc 60 - 62%. Tăng trọng nhanh, nuôi 3 - 3,5 tháng tuổi đạt 100 kg/con. Thích nghi kém ở khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, chịu đựng kém.

### **2. Kỹ thuật chọn heo nuôi thịt**

Cần chú ý những điểm sau:

- Có nguồn gốc rõ ràng; nên chọn heo lúc 45 - 50 ngày tuổi, có trọng lượng trên 15 kg (đối với các giống heo lai với heo ngoại).

- Ngoại hình: Mông, vai nở, lưng thẳng, 4 chân thẳng, ăn khỏe, lông thưa mềm, da hồng, lanh lẹ.

- Heo đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc-xin phòng bệnh như: Dịch tả, Phó thương hàn, Tụ huyết trùng, Lở mồm long móng,...

- Sử dụng các giống heo lai hai, ba, bốn máu với các giống heo ngoại để đạt hiệu quả cao về năng suất và chất lượng thịt.

## **III. CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG**

### **1. Chuồng trại**

#### **1.1. Vị trí**

Chuồng được xây trên nền đất cao ráo, thoáng mát, không bị ngập úng, dễ thoát nước. Có nơi xử lý phân, chất thải chăn nuôi (xử lý chất thải nên áp dụng phương pháp xử lý biogas). Không nên làm chuồng chung với các gia súc, gia cầm khác để tránh lây truyền mầm bệnh.

#### **1.2. Hướng chuồng**

- Chuồng phải đảm bảo thoáng mát về mùa hè và ấm về mùa đông.

- Trục chuồng theo hướng Đông Bắc - Tây Nam là tốt nhất, tránh được gió mùa Đông Bắc và mưa Tây Nam.

#### **1.3. Diện tích**

Phải phù hợp với số lượng heo nuôi, trung bình từ 1,0 - 1,2 m<sup>2</sup>/con, mỗi ô chuồng nên nuôi từ 4 đến 10 con.

#### 1.4. Nền chuồng

- Cao hơn mặt đất xung quanh 30 - 45 cm, để tránh ẩm ướt và ngập úng.
- Nền chuồng đảm bảo độ nhám tránh trơn trượt, có độ dốc 2 - 3%.

#### 1.5. Máng ăn

Máng ăn có chiều cao thích hợp từ 13 - 20 cm; đáy máng rộng 20 - 30 cm; độ dài máng 30 cm/1 con. Có thể làm bằng bê tông cố định vào tường, đáy máng cao hơn nền chuồng 5 - 10 cm, có lỗ thoát nước để dễ cọ rửa vệ sinh.

#### 1.6. Máng uống

Nước được cung cấp ở máng uống hoặc vòi nước uống tự động. Máng uống hoặc vòi uống đều được đặt ở phía sau chuồng. Mỗi ô chuồng nên lắp 2 vòi (1 vòi ở độ cao 30 cm, 1 vòi cao 60 cm) để heo có thể sử dụng lúc nhỏ và khi đã lớn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống bình chứa nước, vòi nước để đảm bảo cung cấp nước uống sạch và đầy đủ 24/24 giờ.

### 2. Nhu cầu dinh dưỡng:

Nhu cầu dinh dưỡng của heo thịt được chia làm 3 giai đoạn: Từ 15 - 35 kg, từ 36 - 60 kg và từ 61 kg trở lên.

**Bảng 1: Nhu cầu dinh dưỡng nuôi heo lai**

Khối lượng (kg)	Protein thô (%)	Năng lượng (Kcal/kg thức ăn)
15 - 35	16	3.000
36 - 60	14	3.000
61 - 100	12	3.000

Lượng thức ăn hàng ngày cho heo thịt cần tăng dần tùy theo lứa tuổi và khối lượng heo để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng.

**Bảng 2: Tiêu chuẩn thức ăn cho heo thịt**

Khối lượng heo (kg)	Thức ăn/con/ngày (kg)	Số bữa ăn/ngày
10 - 20	0,5 - 1,0	3
20 - 30	1,0 - 1,5	3
30 - 40	1,2 - 1,6	3
40 - 50	1,6 - 2,0	2
50 - 60	2,0 - 2,4	2
60 - 70	2,4 - 2,5	2
70 - 80	2,5 - 2,6	2
80 - 90	2,6 - 2,7	2

### **\* Bảo quản thức ăn:**

- Thức ăn sau khi mua về hoặc phối trộn phải được bảo quản nơi khô, mát có mái che, cần được kê cao để tránh bị nhiễm ẩm, gây mốc.
- Tránh để chuột, gián... phá hỏng thức ăn.

### **\* Sử dụng thức ăn:**

- Khi mua thức ăn công nghiệp, cần chú ý đến ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì, kiểm tra kỹ về chất lượng.
- Cần sử dụng đúng loại thức ăn cho đúng chủng loại heo theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Khi sử dụng thức ăn công nghiệp đậm đặc trộn với thức ăn sẵn có tại địa phương cần tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Không nên thay đổi loại thức ăn một cách đột ngột mà thay đổi dần trong vài ngày bằng cách giảm dần loại thức ăn cũ và tăng dần loại thức ăn mới. Việc thay đổi thức ăn đột ngột có thể làm heo kém ăn, giảm sức đề kháng, dễ nhiễm bệnh.

## **3. Chăm sóc, nuôi dưỡng**

### **3.1. Chuẩn bị chuồng nuôi trước khi nhập heo**

- Vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và dụng cụ chăn nuôi sạch sẽ.
- Có rào ngăn không cho vật nuôi khác vào khu vực chăn nuôi.
- Để trống chuồng ít nhất 2 tuần trước khi nhập heo về nuôi.

### **3.2. Heo sau cai sữa (từ 15 - 35 kg)**

- Giai đoạn này sức đề kháng của heo còn kém, dễ bị stress và nhạy cảm với các yếu tố môi trường xung quanh nên rất dễ nhiễm bệnh, đặc biệt là các bệnh về đường tiêu hóa, cần chú ý bổ sung lượng dinh dưỡng thức ăn cho phù hợp.

- Cung cấp thức ăn đầy đủ dinh dưỡng và chất lượng (3 bữa/ngày), không cho ăn các loại thức ăn như: Ôi thiu, nấm, mốc, nhiễm bẩn..., cần bổ sung thêm vitamine bằng premix hoặc rau xanh (cho ăn sau khi ăn thức ăn tinh).

- Cho heo uống nước tự do, đảm bảo về số lượng và chất lượng.
- Hàng ngày phải vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ.

- Tiêm phòng vắc-xin định kỳ (lúc 03 tháng tuổi cần tiêm phòng nhắc lại các bệnh: Dịch tả, Tụ huyết trùng, Phó thương hàn), tẩy giun sán khi heo từ 18 - 20 kg.

### **3.3. Heo từ 36 - 60 kg**

- Giai đoạn này khả năng tiêu hóa và hấp thụ tốt các loại thức ăn, nhất là thức ăn thô xanh.

- Thức ăn cần nhiều đạm để phát triển chiều cao và dài thân, tạo khung xương cho giai đoạn nuôi vỗ béo.
- Cho heo uống nước tự do, đảm bảo về số lượng và chất lượng.
- Hàng ngày phải vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ.
- Nhiệt độ thích hợp 18 - 30°C. Nếu nhiệt độ thấp hơn hoặc cao hơn đều ảnh hưởng xấu đến tiêu thụ thức ăn và sinh trưởng của heo thịt. Tăng cường vận động và tắm chải cho heo.

### 3.4. Heo từ 61 kg đến xuất chuồng

- Giai đoạn này xương và cơ phát triển chậm lại; bắt đầu tăng tích lũy mỡ, giảm tính háu ăn, không thích vận động nhiều như giai đoạn heo choai; lớp mỡ dưới da dày lên, khả năng chịu lạnh tốt vào mùa lạnh; ưa tắm mát, ngủ nhiều.
- Thức ăn cần giàu năng lượng, cho ăn tự do để heo tăng trọng nhanh, rút ngắn thời gian nuôi, đạt hiệu quả kinh tế cao.
- Cho heo uống nước tự do, đảm bảo về số lượng và chất lượng.
- Hàng ngày phải vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ.
- Giảm bớt vận động để hạn chế tiêu hao năng lượng. Chống nóng cho heo vào mùa hè, tắm cho heo vào những ngày nắng nóng.

### 3.5. Quản lý đàn heo thịt

- Không vận chuyển heo khi vừa cho ăn no hoặc trong điều kiện thời tiết quá nóng, quá lạnh, không nhốt heo quá chật.
- Phân đàn để tạo sự đồng đều về khối lượng. Sau khi phân đàn một thời gian có thể xuất hiện sự chênh lệch về khối lượng, do đó cần tiếp tục phân đàn điều chỉnh.
- Hạn chế heo cắn nhau và an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi cần phải áp dụng theo nguyên tắc “*cùng vào, cùng ra*”.
- Tập thói quen cho heo đi phân, tiểu đúng nơi qui định: Tập cho heo ngay lúc mới nhập về sẽ dễ dàng hơn, bằng cách để lại phân tại nơi cuối chuồng gần rãnh thoát nước vào hố chứa phân.

## IV. PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP

**1. Quy trình phòng bệnh heo thịt:** *Tùy vào tình hình dịch tễ địa phương lịch phòng bệnh có sự thay đổi theo trình tự thời gian.*

STT	Ngày tuổi	Loại vắc-xin
1	20	Dịch tả lần 1
2	28	Phó thương hàn
3	40	Tụ huyết trùng
4	45	Dịch tả heo
5	50 - 60	Lở mồm long móng

## 2. Một số bệnh thường gặp

### 2.1. Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS) còn gọi bệnh “Heo Tai xanh”

- **Nguyên nhân:** Bệnh do vi-rút họ *Arteriviridae* gây ra.

#### - Triệu chứng

+ Heo con cai sữa: Chán ăn, lông xơ xác, ho nhẹ, viêm phổi, gầy yếu, da xanh, tiêu chảy, hắt hơi, thở nhanh, chảy nước mắt, tỷ lệ chết 15 - 20%.

+ Heo choai, heo thịt: Sốt cao (40 - 42°C), biếng ăn, ủ rũ, ho, thở khó, những phần da mỏng như phần gần tai, phần da bụng lúc đầu màu hồng nhạt, dần dần chuyển thành màu hồng thẫm và tím nhạt.

+ Heo nái: Biếng ăn, sốt 40 - 41°C, tai chuyển màu xanh trong thời gian ngắn, tím đuôi, tím âm hộ. Heo nái trong giai đoạn có chửa phổ biến là sảy thai, đẻ non hoặc thai chết lưu, thai gổ hàng loạt. Heo nái trong giai đoạn nuôi con thường viêm vú, mất sữa. Heo nái trong giai đoạn chờ phôi thường chậm lên giống, động dục lẫn lộn.

+ Heo đực giống: Bỏ ăn, sốt cao, tai biến thành màu xanh, viêm dịch hoàn, giảm hưng phấn hoặc mất tính dục, lượng tinh dịch ít, chất lượng tinh kém...

- **Phòng bệnh:** Phòng chủ động, phòng bệnh bằng các biện pháp an toàn sinh học, tiêm phòng đầy đủ các loại vắc-xin phòng các bệnh đờ và vắc-xin PRRS. Mua heo giống từ những cơ sở an toàn dịch bệnh. Nuôi dưỡng và chăm sóc tốt để nâng cao sức đề kháng.

- **Trị bệnh:** Hiện nay chưa có loại thuốc đặc hiệu để điều trị. Tăng cường sức đề kháng cho heo bằng đường Glucose, Vitamine C, B1 (cho uống tự do).

### 2.2. Bệnh Dịch tả

- **Nguyên nhân:** Bệnh do vi-rút thuộc họ *Flaviviridae* gây ra, bệnh lây chủ yếu qua đường tiêu hóa, bệnh xảy ra quanh năm, tập trung vào mùa xuân.

- **Triệu chứng:** Thời gian ủ bệnh từ 4 - 8 ngày, bệnh xuất hiện 3 thể: Quá cấp tính, cấp tính và mãn tính.

+ **Thể quá cấp tính:** Bệnh phát ra nhanh chóng, heo khỏe mạnh tự nhiên bỏ ăn, ủ rũ, sốt cao 40 - 42°C. Heo giãy giữa một lát rồi chết. Bệnh tiến triển trong 1 - 2 ngày, tỷ lệ chết 100%.

+ **Thể cấp tính:** Heo bỏ ăn, ủ rũ, nằm chõng đống lên nhau hoặc chui dưới rơm hay nơi tối yên tĩnh, sốt 41°C trong 4 - 5 ngày. Các vùng da mỏng như: Da bẹn, chóp tai, sườn... xuất huyết chấm đỏ như đầu đinh ghim, hạt đậu, có khi từng mảng đỏ lớn. Lúc đầu táo bón sau đó tiêu chảy nặng có khi ra cả máu tươi, phân lỏng, khắm, mùi hôi thối đặc biệt. Heo ho, thở khó, đuôi cụp, lưng cong, ngồi như chó ngồi. Có con co giật hoặc bại liệt, đi loạng choạng, nái chửa sắp đẻ thường bị sảy thai.

+ **Thể mãn tính:** Heo gầy, lúc táo bón, lúc tiêu chảy, uống nhiều nước. Ho, thở khó, trên da lưng, sườn có vết đỏ có khi loét ra từng mảng. Bệnh kéo dài vài tuần, heo chết do kiệt sức, những heo khỏi bệnh gầy còm có miễn dịch nhưng là nguồn mang virus gây bệnh.

- **Bệnh tích:** Xuất huyết thận, bàng quang. Lách sưng, rìa lách bị nhồi huyết hình tam giác. Đoạn tiếp giáp manh tràng và kết tràng có vết loét hình cúc áo.

- **Phòng bệnh:** Tiêm phòng vắc-xin, thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh và tiêu độc chuồng trại bằng các dung dịch sát trùng hoặc nước vôi, không mua bán và vận chuyển, giết mổ và sử dụng heo ốm và chết.

- **Điều trị:** Hiện nay chưa có loại thuốc đặc hiệu để điều trị.

### 2.3. Bệnh Lở mồm long móng (LMLM)

- **Nguyên nhân:** Bệnh gây ra bởi một loại vi-rút thuộc nhóm *Enterovirus* và *Picornaviridae*, có khả năng lây lan rất nhanh. Ở Việt Nam cho đến nay đã xác định có 3 chủng vi-rút gây bệnh: Là chủng A và ASIA1 gây bệnh chủ yếu cho trâu, bò và lây sang heo, chủng vi-rút O gây bệnh chủ yếu cho heo.

- **Triệu chứng:** Thời gian ủ bệnh ngắn từ 2 - 8 ngày. Heo bệnh kém ăn hoặc bỏ ăn, sốt cao liên tục 2 - 3 ngày (thân nhiệt 40 - 41°C). Miệng xuất hiện mụn nước màu trắng hoặc hơi hồng bằng hạt bắp chứa dịch trong, sau đục, 1 - 2 ngày sau mụn vỡ thành sẹo, miệng chảy nhiều nước bọt. Lợi, lưỡi hình thành các mảng loét, làm gia súc đau đớn khi ăn. Chân đi khập khiễng, vành móng và kẽ móng sưng, sau 2 - 3 ngày thấy mụn nước ở kẽ chân, khi mụn nước vỡ móng bị hờ hoặc bị long móng nếu bị nhiễm trùng kế phát. Heo nái mang thai nhiễm vi-rút LMLM sẽ sảy thai.

- **Bệnh tích:** Khi mổ gia súc chết ta thấy mụn loét trên đường tiêu hóa, lách sưng đen, tim có những vùng thoái hóa, phổi viêm.

- **Phòng bệnh bằng vắc-xin:** Tiêm bắp 2 ml/con, thời gian miễn dịch 6 tháng. Chăm sóc nuôi dưỡng tốt để gia súc có sức đề kháng chống lại mầm bệnh. Dụng cụ chăn nuôi phải hợp vệ sinh. Chuồng trại phải sát trùng thường xuyên 2 - 3 lần/tháng bằng thuốc sát trùng như: Biodin, Virkon..., cách ly gia súc bệnh. Không vận chuyển gia súc bệnh ra khỏi ổ dịch. Xác gia súc chết phải xử lý theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- **Điều trị:** Hiện nay chưa có loại thuốc đặc hiệu để điều trị. Chủ yếu tăng cường chăm sóc bồi dưỡng gia súc bệnh, sát trùng vết loét bằng các loại thuốc sát trùng nhẹ như: Xanh Methylen 1% hoặc thuốc tím 2%. Dùng kháng sinh trị bội nhiễm như: Penicilline, Lincomycine, Tilmicosin... Tăng cường trợ sức như: B.complex, vitamine C,...

### 2.4. Bệnh Tụ huyết trùng

- **Nguyên nhân:** Bệnh gây ra bởi vi khuẩn tụ huyết trùng (*Pasteurella multocida*, *Serotyp B*) bệnh thường xảy ra rất nhanh và làm cho heo chết nhiều.

- **Triệu chứng:** Vi khuẩn xâm nhập qua đường tiêu hóa, thời gian nung bệnh từ 6 - 8 giờ, với các biểu hiện: Sốt cao 41 - 42°C nằm lý một chỗ, thường chui vào xó tối, bỏ ăn, da heo đỏ rực từng mảng lớn, sau tím sẫm lại, thở rất khó khăn, đôi khi ngòì thở, nước mắt, nước mũi chảy nhiều, có trường hợp bị hội chứng thần kinh khi sốt cao. Chân co giật, heo bị nhiễm trùng huyết và chết nhanh sau 12 - 36 giờ. Heo mắc bệnh chủ yếu ở 3 tháng tuổi trở lên, nếu không được điều trị, heo sẽ chết 100%.

- **Bệnh tích:** Vùng dưới da tụ máu và keo nhầy, phổi bị xung huyết và viêm nặng, hạch phổi sưng, thanh quản và phế quản xuất huyết, có dịch màu đỏ. Gan, thận, lách sưng to và xuất huyết.

- **Phòng bệnh:** Tiêm phòng vắc-xin.

- **Điều trị:** Bằng kháng sinh *Kanamycin* với liều dùng 30 - 50 mg cho 1 kg khối lượng, dùng liên tục 3 - 4 ngày. Trợ lực và điều trị triệu chứng: Có thể dùng kết hợp *Vitamine B1*, *Vitamine C*, *Cafein*.

## 2.5. Bệnh Phó thương hàn

- **Nguyên nhân:** Do vi khuẩn *Salmonella Choleraesuis*, bệnh xảy ra chủ yếu ở heo con từ cai sữa đến 4 tháng tuổi. Vi khuẩn gây bệnh có khả năng tồn tại ngoài môi trường, gặp điều kiện thuận lợi sẽ xâm nhập vào cơ thể heo qua đường tiêu hóa và gây bệnh.

- **Triệu chứng**

+ **Thể cấp tính:** Thời gian ủ bệnh 3 - 4 ngày, heo kém ăn, sốt cao từ 41,5 - 42°C, táo bón, bí đại tiện, có nôn mửa và tiêu chảy rất nặng, phân lỏng thối khắm màu vàng, đôi khi lẫn máu. Heo kêu la đau đớn do viêm dạ dày, thở khó, ho, suy nhược do mất nước, tim đập yếu..., cuối thời kỳ bệnh, tai, các vùng da bụng, phía trong đùi, ngực xuất huyết đỏ ửng rồi chuyển sang tím bầm. Đặc biệt heo có các đám đỏ sẫm ở chỏm tai, mõm và 4 chân, sau 2 - 4 ngày không can thiệp tích cực, heo sẽ chết vì tiêu chảy mất nước và kiệt sức.

+ **Thể mãn tính:** Ăn uống giảm sút, mệt, gầy yếu dần, chậm lớn, da nhợt nhạt do thiếu máu, trên da có thể có những mảng đỏ hoặc xám tím bầm, heo tiêu chảy xen kẽ táo bón, phân thường lỏng, màu vàng, rất thối, cuối thời kỳ heo khó thở, ho, đặc biệt sau khi vận động, heo có thể tự khỏi bệnh nhưng chậm lớn và có thể tái phát bệnh.

- **Bệnh tích:** Niêm mạc ruột viêm loét, hoại tử, ruột rỗng và thành ruột mỏng.

- **Phòng bệnh:** Tiêm phòng vắc-xin. Tiêu độc chuồng trại, máng ăn, máng uống, đảm bảo cung cấp đủ thức ăn và nước uống sạch..

- **Điều trị:** Sử dụng kháng sinh *Amoxicillin* kết hợp với *Gentamycin* hoặc *Enrofloxacin*. Kết hợp chữa triệu chứng tiêu chảy bằng các chất chát (*Tannin*), bồi dưỡng chăm sóc tốt, tăng cường bổ sung *Vitamine*, nếu trường hợp tiêu chảy nặng cần tiêm thêm *Atropin*.



## 2.6. Bệnh *E.Coli*

Là bệnh nhiễm độc, nhiễm trùng. Có đặc điểm viêm dạ dày, ruột thường gặp ở heo con tiêu chảy phân trắng; ở heo cai sữa bị phù thũng.

- **Nguyên nhân:** Nhiễm *E.Coli* biểu hiện hai trạng thái khác nhau ở heo con:

+ Tiêu chảy ở heo con theo mẹ.

+ Phù thũng ở heo con sau cai sữa đến 30 kg.

+ Bệnh xảy ra do nhiều nguyên nhân, nguyên nhân chính là các vi khuẩn đường ruột, đặc biệt là *E.Coli*.

### - Triệu chứng:

\* *Heo con theo mẹ:* Thường trong tuần lễ đầu sau khi sinh, heo con xù lông, tiêu chảy phân vàng, trắng hoặc xám, mùi hôi thối. Mất nước, gầy ốm, da nhẵn. Tỷ lệ chết 80 - 90% nếu không can thiệp kịp thời.

\* *Heo cai sữa:* Tiêu chảy kèm theo thủy thũng; sưng mí mắt, mặt, góc tai và chân. Có triệu chứng thần kinh heo đi xiêu vẹo, co giật, tiếng kêu khàn do thủy thũng thanh quản, có thể xuất huyết ngoài da.

- **Phòng bệnh:** Vệ sinh chuồng trại định kỳ thường xuyên. Giữ ấm cho heo con, tập cho heo con ăn sớm. Bổ sung đầy đủ các loại *Vitamin*, tiêm *Fer Dextran* cho heo mẹ và heo con sơ sinh. Tiêm vắc-xin cho heo nái 1 tháng và 12 ngày trước khi sinh và heo con 8 - 10 ngày tuổi, lần 2 lúc cai sữa.

- **Điều trị:** Kháng sinh Enrofloxacin, Neomycin. Cho heo uống dung dịch điện giải để chống mất nước. Dùng Biolactyl ổn định vi sinh vật đường ruột. Tăng cường chăm sóc, cân đối khẩu phần ăn thích hợp.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- GD và các PGD Sở;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Phòng NN và PTNT các huyện; Phòng Kinh tế TX, TP;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTKN.

K. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải